



CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



2017

*“CPC - Cùng nông gia
được mùa”*

MỤC LỤC



I

THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các yếu tố rủi ro

II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

III

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

IV

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh tế, ngành sản xuất năm 2017
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị
Báo cáo đánh giá của Ban Kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát

VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

THÔNG TIN CHUNG

”

Được thành lập từ những năm đầu thập niên 90 thế kỷ trước, các sản phẩm nông dược của CPC được bà con vùng Đồng bằng sông Cửu Long biết đến và sử dụng có logo hình tam giác với lá xanh TSC. Qua quá trình hoạt động, CPC không ngừng nghiên cứu, cải tiến để đem đến cho bà con nông dân những sản phẩm chất lượng cao với giá cả hợp lý. Chính vì thế, các sản phẩm của CPC ngày càng được bà con nông dân tin dùng, và đây là động lực rất lớn giúp cho CPC phát triển.”



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch : CTCP THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800457478, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 07/05/2002, thay đổi lần thứ 10 ngày 02/04/2018.

Vốn điều lệ : 43.030.500.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 43.030.500.000 đồng

Địa chỉ: 51 Trương Văn Diễn, Phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ

Số điện thoại : 0292 3.861.770

Số fax : 0292 3.861.798

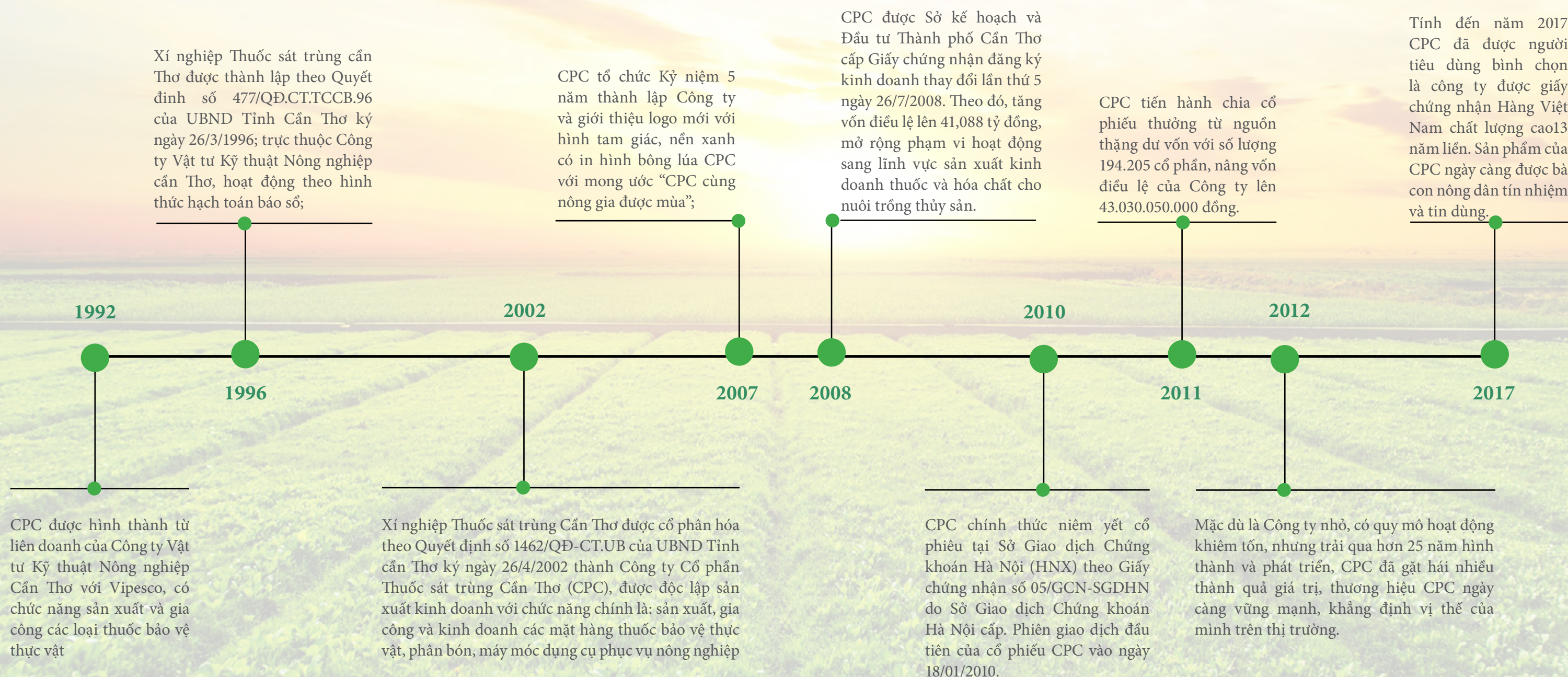
Website : www.tstcantho.com.vn

Mã cổ phiếu : CPC

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Đồng bằng sông Cửu Long là vùng chuyên canh lúa lớn nhất Việt Nam. Vào những năm cuối thập niên 80 và đầu thập niên 90 thế kỷ trước, dịch bệnh, sâu rầy liên tục xảy ra và bùng phát trên diện rộng làm nhiều ruộng lúa, hoa màu của nông dân bị mất trắng, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn.... Do đó, nhu cầu sản xuất thuốc nông dược bảo vệ mùa màng, tìm kiếm biện pháp canh tác hữu hiệu, giống lúa thích nghi trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

“CPC - CÙNG NÔNG GIA ĐƯỢC MÙA”



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu, kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong môi trường nuôi trồng thủy sản;
- Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản.
- Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn chăn nuôi cho nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến thủy hải sản xuất khẩu;
- Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất phục vụ nông nghiệp.

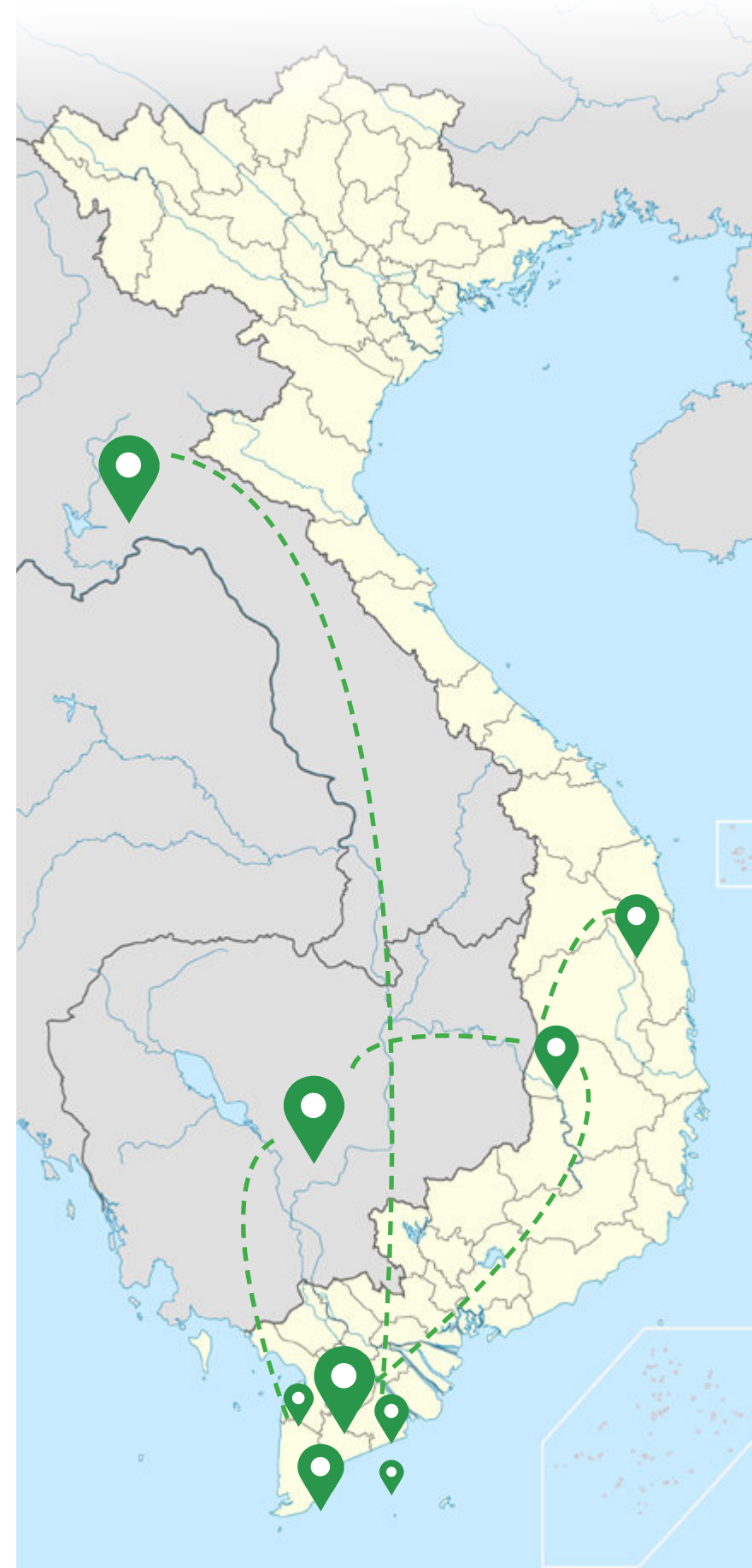


Trong những năm gần đây, CPC tập trung nhiệm vụ chính là sản xuất, gia công và kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật.

Sản phẩm chính



ĐỊA BÀN KINH DOANH



Thị trường trong nước

CPC có mạng lưới phân phối lớn, phạm vi hầu hết các tỉnh thành trong nước. Hoạt động kinh doanh chủ yếu là Đồng Bằng Sông Cửu Long, các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên. Đến nay, CPC có hơn 80 đại lý cấp I và hơn 2.000 đại lý cấp II.

Thị trường nước ngoài

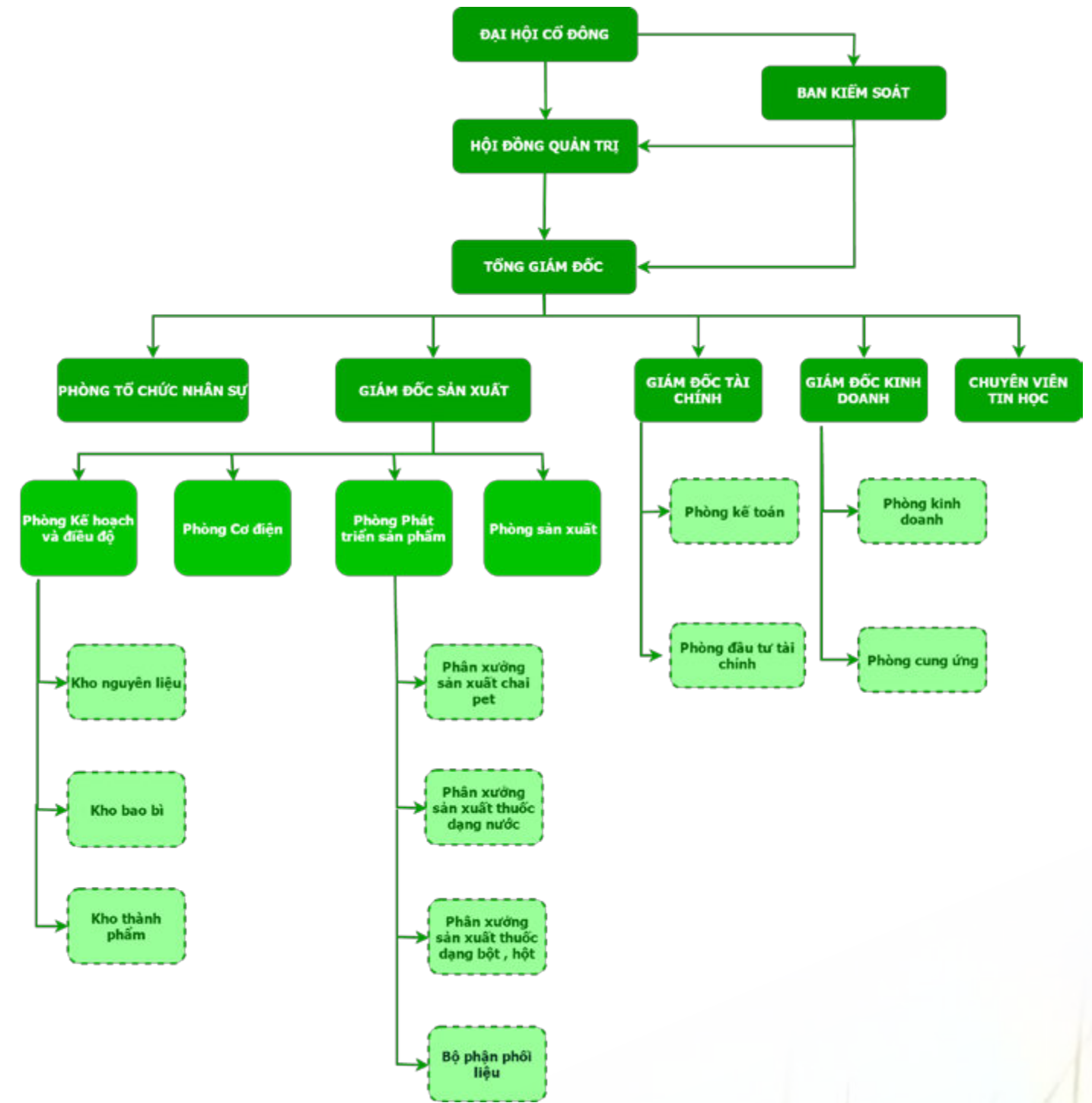
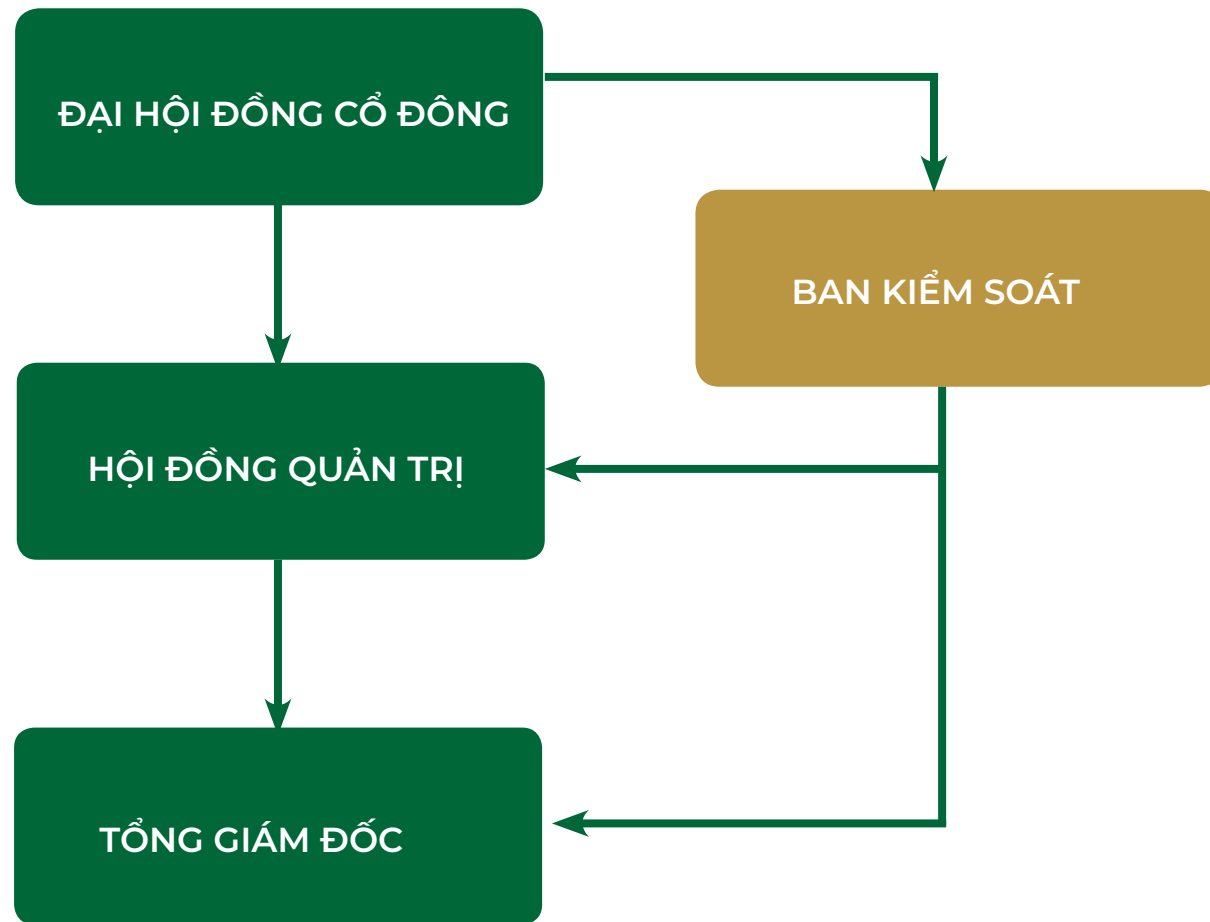
Chiến lược dài hạn Công ty không chỉ tập trung vào phân khúc thị trường trong nước mà còn mở rộng ra nhiều nước khu vực lân cận như Campuchia, Lào...

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC BỘ MÁY

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo qui định của Luật Doanh nghiệp và các qui định pháp luật liên quan:

Đại hội đồng cổ đông: bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Tổng giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



01

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY

- Tăng cường đầu tư hệ thống sản xuất cũng như nâng cao hiệu quả, chất lượng về công việc và sản phẩm. Trước mắt, giữ vững tiến độ tăng trưởng trong HĐKD và HDSX đã đạt được trong những năm gần đây.
- Hoàn thiện bộ máy quản lý, để cao tinh thần làm việc của nhân viên. Trong đó, phát huy sự phối hợp, hợp tác giữa các cấp lãnh đạo với cán bộ công nhân viên trong Công ty, từ đó thống nhất trong công việc lẫn thực hiện các kế hoạch trong SXKD.
- Tiếp tục mở rộng thị trường trên toàn quốc, tập trung giữ vững và nâng cao thị trường đang có, chủ yếu vào Đồng bằng Sông Cửu Long, khu vực Tây nguyên và các tỉnh miền Trung. Từ đó, phát huy thương hiệu CPC và vị thế của công ty.
- Mở rộng thị trường cho địa bàn Campuchia. Điều này vừa giúp tăng doanh số bán vừa khắc phục tính thời vụ trong sản xuất nông nghiệp – tăng hiệu suất sử dụng máy móc thiết bị của CPC.



02

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

Về hoạt động kinh doanh, sản xuất

- Hoàn thiện và nâng cao bộ máy quản lý, gia tăng hệ thống sản xuất;
- Duy trì hoạt động kinh doanh và HDSX nhằm đảm bảo doanh thu đạt được từ các thị trường chủ đạo, làm bước tiến mở rộng thị trường ra khắp cả nước và các nước lân cận;
- Đảm bảo được chất lượng sản phẩm và hệ thống quản lý đạt tiêu chuẩn, đặt niềm tin khách hàng là tiêu chí hàng đầu để công ty đứng vững trên thị trường;
- Giám sát và kiểm tra định kỳ các HDSX, HĐKD nhằm đảm bảo sản phẩm luôn trong giới hạn cho phép về tiêu chuẩn, nâng cao các hoạt động kinh doanh;
- Tăng cường nghiên cứu, phân tích các chỉ tiêu nguyên vật liệu, cũng như thành phẩm nhằm luôn cho sản phẩm tốt nhất. Chất lượng sản phẩm là sự sống còn của công ty.

Về lao động

- Xây dựng quy trình tuyển chọn và đào tạo chặt chẽ, hợp lý để tạo lực lượng nòng cốt phát triển CPC ngày càng vững mạnh;
- Đánh giá hiệu quả lao động của cán bộ công nhân viên nhằm cải thiện chất lượng lao động, cũng như có chế độ đào tạo phù hợp;
- Tổ chức các hoạt động khám sức khỏe định kỳ cũng như chương trình đào tạo ngoại khóa bắt buộc nhằm đảm bảo sức khỏe công nhân viên, làm tiền đề nâng cao tinh thần và hiệu quả làm việc.

Đối với cộng đồng và môi trường

- Trong quá trình hoạt động, Công ty còn chú trọng vào đóng góp xã hội tại địa phương. Thường xuyên tổ chức các buổi tặng quà cho các gia đình có hoàn cảnh khó khăn, các học sinh nghèo vượt khó, ủng hộ bà con nông dân gặp thiên tai lũ lụt, bệnh dịch cây trồng... nhằm góp phần xây dựng cộng đồng ngày càng phát triển và tốt đẹp hơn.
- Đặc thù ngành hóa chất tiềm ẩn những rủi ro rất cao đối với môi trường. Trong công tác nghiên cứu sản phẩm, Công ty luôn ưu tiên lựa chọn các sản phẩm ít gây hại cho môi trường. Thường xuyên kiểm tra, cải tiến dây chuyền sản xuất để đảm bảo không có sự cố rò rỉ hóa chất ra ngoài. Cán bộ nhân viên trong Công ty được đào tạo kiến thức về an toàn trong sản xuất, kỹ năng xử lý các sự cố bất thường để đảm bảo an toàn môi trường.

Đối với hoạt động kinh doanh

- CPC luôn nỗ lực phát triển để mang lại những sản phẩm tốt nhất và an toàn cho khách hàng. Luôn nắm bắt, tiếp cận trực tiếp và tìm hiểu về khó khăn của khách hàng, từ đó có những bước cung cấp, tư vấn sản phẩm với chất lượng và sự an toàn phù hợp với từng trường hợp. Lấy sự tin dùng và hài lòng của khách hàng là tiêu chí trong các hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, luôn nghiên cứu cũng như tìm kiếm các đối tác uy tín nhằm cung cấp các sản phẩm vừa đạt chất lượng vừa giá thành rẻ hơn, đáp ứng nhu cầu mọi khách hàng.

Đối với cán bộ công nhân viên

- Với việc cán bộ công nhân viên là lực lượng nòng cốt của công ty. Công ty luôn chú trọng xây dựng môi trường làm việc an toàn và hiệu quả, đi với đó là sự kết nối được giữa từng cán bộ công nhân viên. Từ đó, công ty luôn đề cao việc đóng góp ý kiến, nguyện vọng của mọi cán bộ công nhân viên để hoàn thiện môi trường làm việc nhằm nâng cao hiệu quả lao động; ngoài ra, công ty còn tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao, các tour du lịch và nghỉ dưỡng nhằm kết nối đội ngũ cán bộ; các chương trình đi thực tế thường xuyên để nâng cao trình độ chuyên môn, đáp ứng được nhu cầu phát triển và đòi hỏi đặc thù của ngành.

- Tất cả các chiến lược, chính sách Công ty đề ra luôn tập trung vào mục tiêu cao nhất là tối đa hóa giá trị cho cổ đông. Để đáp ứng nhu cầu thông tin cho nhà đầu tư, website của Công ty luôn cập nhật các thông tin một cách kịp thời, chính xác và minh bạch. Chính sách cổ tức của Công ty luôn giữ ở mức ổn định khoảng 15% -20%. Hằng năm, trong các cuộc họp Đại hội cổ đông, Công ty luôn ghi nhận các ý kiến đóng góp trong đại hội, đúc kết để từ đó xây dựng chương trình hành động trong năm để Công ty ngày một phát triển hơn.



CÁC RỦI RO

Tiền thân là Công ty Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ được thành lập và năm 1992, sau hơn 26 năm phát triển, với sự nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo Công ty và tập thể Cán bộ Công nhân viên, Công ty đã và đang thực hiện tốt sứ mạng của mình trong việc bảo vệ mùa màng cho người nông dân. Để có được thành công đó, Công ty luôn chủ động đưa ra các chính sách phòng ngừa rủi ro ảnh hưởng xuyên suốt quá trình sản xuất hoạt động kinh doanh của Công ty. Những rủi ro đó bao gồm:

Rủi ro kinh tế

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện.

Trong bối cảnh chung nền kinh tế và xã hội 2017, ngành nông nghiệp có mức tăng trưởng thấp nhất với mức tăng trưởng 2,07%, tuy nhiên so với mức tăng 0,72% ở năm 2016 cho thấy dấu hiệu phục hồi của ngành sau ảnh hưởng nặng nề của thiên tai năm 2016. Với đặc thù là cung cấp, sản xuất các sản phẩm phụ trợ ngành nông nghiệp nên tăng trưởng của ngành nông nghiệp ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của công ty. Với sự cải thiện, phục hồi của ngành nông nghiệp năm 2017, thì công ty cũng có tiến triển so với năm 2016.

Tuy nhiên điều đó thể hiện sự không ổn định trong nền kinh tế Việt Nam. Ngoài ra lãi suất cũng là một trong các lo ngại đối với công ty, trong đó chủ yếu là các nhu cầu vay nợ ngắn hạn để luân chuyển vốn. Việc nền kinh tế không ổn định làm cho lãi suất thay đổi trong các năm làm trực tiếp gây thiệt hại đối với công ty.

Để đối phó với rủi ro này, Ban lãnh đạo Công ty đã giao nhiệm vụ theo dõi diễn biến thị trường, báo cáo thường xuyên với Ban lãnh đạo Công ty để đưa ra những đối sách thích hợp, đảm bảo hạn chế rủi ro nhất có thể cho Công ty.

Rủi ro môi trường

Hoạt động trong lĩnh vực hóa chất bảo vệ thực vật nên quá trình sản xuất của Công ty luôn tiềm ẩn những rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe con người, cũng như môi trường sinh thái tại các vùng lân cận. Với đặc tính của thuốc bảo vệ thực vật nếu không sử dụng đúng quy chuẩn an toàn, ngoài việc ảnh hưởng đến người tiêu thụ nông sản còn ảnh hưởng đến sức khỏe người sử dụng. Vì vậy để đảm bảo an toàn, Công ty luôn chú trọng đầu tư vào chất lượng sản phẩm, chỉ những sản phẩm đáp ứng đủ yêu cầu về an toàn mới được tiêu thụ trên thị trường. Bên cạnh đó, Công ty còn thường xuyên tổ chức các buổi tư vấn sử dụng sản phẩm đối với bà con nông dân, các đại lý phân phối sản phẩm của Công ty.

Rủi ro luật pháp

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Thuốc sát trùng Cần Thơ chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật an toàn thực phẩm. Bên cạnh đó, với tư cách là một doanh nghiệp niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán, CPC còn chịu tác động bởi hệ thống khung pháp lý của Thị trường chứng khoán Việt Nam. Hiện tại một số luật, chế tài, chính sách đang được đổi mới, do vậy CPC cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn để đáp ứng những yêu

cầu này.

Với chiến lược mở rộng sản xuất kinh doanh ra các nước trong khu vực và thế giới. Ngoài pháp luật Việt Nam, Công ty còn tuân thủ các quy định về luật thương mại và các tiêu chuẩn kỹ thuật quốc tế. Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro pháp luật, ban lãnh đạo Công ty thường xuyên cập nhật những quy định mới, từ đó hoạch định các chiến lược kinh doanh phù hợp, đảm bảo hoạt động kinh doanh được phát triển ổn định.

Rủi ro đặc thù

Đặc thù ngành hóa chất là luôn tiềm ẩn rủi ro đến môi trường, cũng như việc quản lý các nguyên vật liệu mang tính hóa học cao đòi hỏi phải nghiêm ngặt. Ngoài ra việc biến động trong ngành Nông nghiệp nói chung, từ các nguyên nhân như thời tiết, đất đai... cũng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty.

Rủi ro khác

Những rủi ro khác bao gồm: các rủi ro không thể dự đoán được như dịch bệnh, thiên tai, bảo quản hàng hóa, ...là những rủi ro có nguy cơ xảy ra rất thấp nhưng có tác động rất lớn đến tình hình kinh doanh của toàn Công ty. Để hạn chế tối đa thiệt hại, Công ty sẽ tham gia mua bảo hiểm tài sản, hàng hóa.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của CPC trong năm 2017 cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng/Giảm 2017
Doanh thu thuần	210.731	275.415	30,70%
Giá vốn hàng bán	165.298	217.664	31,68%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.686	1.957	-58,23%
Chi phí tài chính	4.941	2.290	-53,65%
Chi phí bán hàng	11.105	17.499	57,57%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.223	23.764	23,62%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.849	16.154	8,79%
Lợi nhuận khác	-56	-368	-83,81%
Lợi nhuận trước thuế	14.793	15.786	6,71%
Lợi nhuận sau thuế	11.780	12.462	5,79%
EPS (Đồng)	2.886	3.053	5,79%

Năm 2017, Công ty CPC tiếp tục giữ vững tốc độ tăng trưởng ổn định, trong đó doanh thu thuần tăng từ 210.731 triệu lên 275.415 triệu tương ứng với mức tăng 30,7% nhờ hoạt động sản xuất trong năm ổn định và phát triển, tuy nhiên do chi phí nguyên vật liệu tăng dẫn đến giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng tăng đáng kể, cụ thể giá vốn hàng bán và chi phí bán hàng tăng lên lần lượt là 217.664 và 17.499 triệu đồng tương ứng với mức tăng lần lượt là 31,68% và 57,57% so với năm 2016; ngoài ra, việc duy trì các hoạt động kinh doanh dẫn đến công ty năm 2017 tiếp tục thu được các kết quả tốt, ngoài các khoản kể trên thì lợi nhuận sau thuế tiếp tục tăng từ 11.780 triệu đồng lên 12.462 triệu đồng, tức tăng 5,79% so với năm 2016.

Tình hình thực hiện kế hoạch đề ra:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Thực hiện/ Kế hoạch
Doanh thu thuần	275.415	220.000	125%
Lợi nhuận trước thuế	15.786	15.000	105%
Lợi nhuận sau thuế	12.462	12.000	104%
Tỷ lệ chi trả cổ tức	17% đến 23%		

Nhìn chung, trong năm Công ty đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đề ra, cụ thể hơn, trong đó doanh thu thuần vượt 25% so với kế hoạch; ngoài ra cả 2 chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế đều vượt so kế hoạch đề ra. Công ty đã tiếp tục vượt kế hoạch đề ra trong bối cảnh tình hình ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn; điều đó cho thấy được sự ổn định trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CPC.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Thành viên Ban Điều hành:

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng Cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Nguyễn Văn Trung	TGD	93.262	2,17%
Nguyễn Ngọc Minh	Phó TGD	46.333	1,08%
Bùi Anh Dũng	Phó TGD	15.428	0,36%
Nguyễn Thanh Tâm	Phó TGD	5.981	0,14%
Quách Thị Thúy	Kế toán trưởng	37.876	0,88%

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG NGUYỄN VĂN TRUNG
TGD KIÊM CHỦ TỊCH HĐQT

Ngày sinh: 31/11/1956

Nơi sinh: TP. Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 2002-2008: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CPC
- Từ 2008-8/2010: Chủ tịch HĐQT CPC
- Từ 8/2010-Nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CPC

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



ÔNG NGUYỄN NGỌC MINH
PHÓ TGD KIÊM THÀNH VIÊN HĐQT

Ngày sinh: 24/12/1968

Nơi sinh: TP. Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 1990-1993: Nhân viên Công ty Cấp thoát nước Hậu Giang
- Từ 1993-Nay: Phó phòng cơ điện; Trợ lý Tổng Giám đốc; Phó Tổng Giám đốc CTCP Thuốc sát trùng Cần Thơ



ÔNG BÙI ANH DŨNG
GIÁM ĐỐC MARKETING

Ngày sinh: 17/02/1963

Nơi sinh: Vĩnh Long

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế nông nghiệp, Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- Từ 2002- 2007: Trưởng BKS CPC
- Từ 2007- 2011: Ủy viên HĐQT kiêm giám đốc Tài chính CPC
- Từ 2011- 4/2017: Ủy viên HĐQT kiêm giám đốc Marketing CPC
- Từ 4/2017 – nay: Giám đốc Marketing CPC



ÔNG NGUYỄN THANH TÂM
GIÁM ĐỐC SẢN XUẤT

Ngày sinh: 20/12/1952

Nơi sinh: TP. Cần Thơ

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư nông nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 2005-2007: Phó Giám đốc Sản xuất CPC
- Từ 2007-Nay: Giám đốc Sản xuất CPC

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



BÀ QUÁCH THỊ THÚY
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày sinh: 19/06/1960

Nơi sinh: Sóc trăng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế nông nghiệp

Quá trình công tác:

- Từ 1992-2002: Xí nghiệp Thuốc sát trùng Cần Thơ
- Từ 2002-Nay: Kế toán trưởng CPC

CƠ CẤU LAO ĐỘNG

STT	Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	186	100%
1	Đại học và trên Đại học	42	23%
2	Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp	30	16%
3	Sơ cấp, Công nhân kỹ thuật	99	53%
4	Lao động phổ thông	15	8%
II	Theo đối tượng lao động	186	100%
1	Lao động toàn thời gian	186	100%
2	Lao động bán thời gian	0	0%
III	Theo giới tính	186	100%
1	Nam	159	85%
2	Nữ	27	15%

Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Tiền lương của người lao động trong Công ty được hưởng theo hệ số, trả lương căn cứ theo trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao, lương thưởng. Công ty thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các chế độ chính sách tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN cho các CBCNV, nâng bậc lương theo niên hạn cho CBCNV.
- Trong công tác đào tạo, Công ty đã chú trọng đến công tác tự đào tạo, đào tạo tại chỗ và dành sự quan tâm khuyến khích các cán bộ trẻ nâng cao trình độ chuyên môn.
- Ngoài những quyền lợi được quy định trong Luật Lao động, người lao động trong Công ty còn được hưởng các đãi ngộ dưới hình thức như du lịch, nghỉ mát, trợ cấp khi thai sản và ốm đau, trợ cấp khó khăn...
- Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, có đóng góp sáng kiến về giải pháp kỹ thuật giúp đem lại hiệu quả kinh doanh cao, đồng thời áp dụng các biện pháp, quy định xử phạt đối với các công nhân viên có hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
- Luôn tạo mọi điều kiện nhằm cải thiện và nâng cao trình độ, tổ chức các chương trình văn nghệ, chương trình nghỉ dưỡng bắt buộc... nhằm kết nối cán bộ công nhân viên với nhau, tăng tinh thần và năng suất làm việc.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện dự án

Trong năm, Công ty tiếp tục duy trì phát triển ổn định, ngoài việc tu sửa, bảo trì máy móc, không có hoạt động đầu tư, thực hiện các dự án lớn.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng/Giảm 2017
Tổng tài sản	128.299	147.909	15,28%
Doanh thu thuần	210.731	275.415	30,70%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.849	16.154	8,79%
Lợi nhuận khác	-56	-368	-83,81%
Lợi nhuận trước thuế	14.793	15.786	6,71%
Lợi nhuận sau thuế	11.780	12.462	5,79%

CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu tài chính	ĐVT	2016	2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán hiện hành	Lần	2,42	2,02
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1,65	1,04
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,36	0,44
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,57	0,77
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay Hàng tồn kho	Vòng	4,76	4,44
Doanh thu thuần/Tổng tài sản (bình quân)	Vòng	1,69	1,99
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,59%	4,52%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (bình quân)	%	14,54%	15,09%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (bình quân)	%	9,47%	9,02%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	7,05%	5,87%

Về chỉ tiêu khả năng thanh toán

Trong năm 2017, các hệ số thanh toán đều có xu hướng giảm, chủ yếu do các khoản vay nợ tài chính ngắn hạn trong năm tăng để đáp ứng nhu cầu hoạt động thương mại đang phát triển. Tuy nhiên, công ty chủ động giữ hệ số ở mức an toàn, để đảm bảo về khả năng thanh toán của công ty, đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

Về chỉ tiêu cơ cấu vốn

Công ty đã chủ động gia tăng các khoản nợ do nhu cầu tăng cường và luân chuyển vốn trong các hoạt động kinh doanh trong năm nay. Từ đó, dẫn các chỉ số về cơ cấu vốn đều có xu hướng tăng; cụ thể như, hệ số nợ/Tổng tài sản tăng từ 36% lên 44%; đồng thời hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu tăng từ 57% lên 77%.

Về chỉ tiêu năng lực hoạt động

Trong năm, do các hoạt động kinh doanh sản xuất được duy trì ổn định, hệ số về năng lực hoạt động có thay đổi mặc dù không nhiều; Cụ thể, hệ số hàng tồn kho giảm từ 4,76 vòng xuống 4,44 vòng, trong đó hàng hóa tồn kho gia tăng do nhu cầu mở rộng thị trường và nguồn cầu tăng; Ngoài ra, hiệu suất sử dụng tài sản tăng lên 1,99 trong năm nhờ doanh thu tăng cao.

Về chỉ tiêu khả năng sinh lời

Mặc dù, trong năm 2017 doanh thu của CPC tăng cao thế nhưng chi phí giá vốn hàng bán, các chi phí khác như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng cũng gia tăng. Điều đó dẫn đến tỷ suất sinh lợi của CPC trong năm có xu hướng giảm, như lợi nhuận sau thuế trên doanh thu chỉ đạt 4,52%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

CỔ PHẦN

- Số lượng cổ phần : 4.303.050 cổ phần
- Mệnh giá cổ phần : 10.000 đồng/cổ phần
- Số cổ phiếu quỹ : 221.600 cổ phần
- Số cổ phần phổ thông lưu hành : 4.081.450 cổ phần
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Cổ đông	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
Cổ đông trong nước	335	3.287.480	95,99
Tổ chức	14	2.411.721	4,01
Cá nhân	321	87.5759	91,98
Cổ đông nước ngoài	14	79.3970	4,01
Tổ chức	3	68.4800	0,86
Cá nhân	11	10.9170	3,15
Cổ phiếu quỹ		221.600	5,15%
Tổng cộng	349	4.303.050	100,00

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN

Tên tổ chức/cá nhân	Số CMND/ Hộ chiếu/ ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ/ VĐL
Cty TNHH TM-DV TSHN	072337	829 Trần Xuân Soạn, P Tân Hưng, Q7, TP HCM	875.220	20,34
AFC VF Lim-ited	CA6761	c/o Ogier Fiduciary Services (Cayman) Ltd, 89 Nexus Way, Camana Bay, Grand Cayman	427.900	9,94
Lê Thị Thu Trang	361616307	93 Trần Hưng Đạo, KV2, P Châu Văn Liêm, Ô Môn, TP Cần Thơ	216.544	5,03
Võ Viết Thanh	024144698	208 Phú Gia, Phú Mỹ Hưng, P. Tân Phong, Q7, TP HCM	360.543	8,38

- Tăng vốn điều lệ: Không có.
- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có.
- Các chứng khoán khác: Không có.

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Trong năm Công ty thực hiện tuân thủ đúng theo quy định của Luật bảo vệ môi trường.

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất hóa chất, quá trình sản xuất Công ty luôn tiềm ẩn những rủi ro ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Trong công tác nghiên cứu sản phẩm, Công ty luôn đặt tiêu chí, tạo ra sản phẩm riêng biệt giúp diệt sâu bệnh ít ảnh hưởng đến hệ sinh thái môi trường nhất. Ngoài ra, trong quá trình sản xuất, Công ty luôn tuân thủ các tiêu chuẩn chất lượng quốc tế để hạn chế các rủi ro xảy ra, các chất



thải ra bên ngoài đều được qua xử lý, đảm bảo không giọt nước nào chưa xử lý được phép thải ra môi trường".

Bảo vệ môi trường là một trong những mục tiêu phát triển bền vững quan trọng nhất của Công ty. Trong những năm qua, công tác tuyên truyền được đẩy mạnh nhằm nâng cao ý thức của cán bộ công nhân viên. Bên cạnh đó, Công ty còn tích cực tham gia các hoạt động như Giờ Trái Đất, tổ chức đi thăm tặng quà các trẻ em khuyết tật...

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội

Hằng năm, công tác vì cộng đồng của Công ty được tổ chức thường xuyên để nâng cao trách nhiệm tinh thần của mỗi cá nhân đối với xã hội. Công đoàn của CPC tích cực vận động cán bộ công nhân viên sống tốt hòa nhập với cộng đồng địa phương đang ở, tổ chức thăm hỏi kịp thời các hoàn cảnh khó khăn đột xuất và bệnh tật...



Chính sách liên quan đến người lao động

- Cán bộ công nhân viên là lực lượng nòng cốt của Công ty, vì thế Công ty luôn quan tâm đến mọi vấn đề liên quan đến người lao động, cụ thể:
- Người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định pháp luật;
- Chi trả lương đúng thời gian và quy định;
- Phụ cấp cho nhân viên có hoàn cảnh cụ thể buộc phải nghỉ ngắn, dài hạn (mang thai, thương tật,...);
- Tổ chức các bài đánh giá năng lực, phân công đúng vị trí, đảm bảo mỗi cá nhân đóng góp xứng đáng công sức bản thân;
- Thường xuyên tổ chức các hoạt động thể thao, văn nghệ... nâng cao tinh thần gắn bó, thống nhất trong toàn thể cán bộ công nhân viên;
- Tự do đóng góp ý kiến, nguyện vọng góp phần phát triển chung cho công ty cũng như bản thân người lao động;
- Chế độ bồi dưỡng bắt buộc, nghỉ dưỡng bắt buộc nhằm đảm bảo sức khỏe cũng như nâng cao chất lượng hoạt động và trình độ chuyên môn;
- Được cung cấp các trang thiết bị đảm bảo an toàn lao động, hạn chế rủi ro xảy ra cho người lao động;
- Tuyển chọn và đào tạo trước, cũng như trong suốt quá trình hoạt động;
- Nhờ những chính sách về người lao động mà môi trường làm việc tại CPC luôn có sự đoàn kết, mang tính xây dựng, là nơi mà mỗi công nhân đều mong muốn cống hiến hết mình cho sự phát triển chung của CPC.



BÁO CÁO CỦA
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH

MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2017

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2017 ước tính tăng 6,81% so với năm 2016, trong đó quý I tăng 5,15%; quý II tăng 6,28%; quý III tăng 7,46%; quý IV tăng 7,65%. Mức tăng trưởng năm nay vượt mục tiêu đề ra 6,7% và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011-2016, khẳng định tính kịp thời và hiệu quả của các giải pháp được Chính phủ ban hành, chỉ đạo quyết liệt các cấp, các ngành, các địa phương cùng nỗ lực thực hiện. Trong mức tăng 6,81% của toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản đã có sự phục hồi đáng kể với mức tăng 2,90% (cao hơn mức tăng 1,36% của năm 2016), đóng góp 0,44 điểm phần trăm vào mức tăng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 8,00%, đóng góp 2,77 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 7,44%, đóng góp 2,87 điểm phần trăm.



Trong tình trạng nền kinh tế Việt Nam 2017 đang phục hồi trở lại, Ban lãnh đạo công ty đã có những chiến lược, hoạt động kinh doanh hợp lý và đạt được những thành công cụ thể sau:

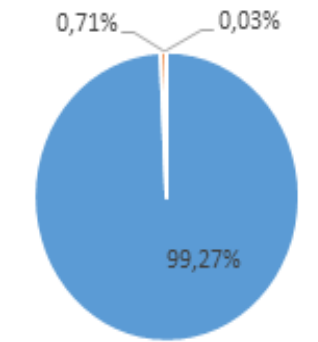
ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2016	2017	Tăng/Giảm 2017
Doanh thu thuần	210.731	275.415	30,70%
Giá vốn hàng bán	165.298	217.664	31,68%
Doanh thu hoạt động tài chính	4.686	1.957	-58,23%
Chi phí tài chính	4.941	2.290	-53,65%
Chi phí bán hàng	11.105	17.499	57,57%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.223	23.764	23,55%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.849	16.154	8,89%
Lợi nhuận khác	-56	-368	517,55%
Lợi nhuận trước thuế	14.793	15.8786	6,95%
Lợi nhuận sau thuế	11.780	12.462	6,75%
EPS (Đồng)	2886	3053	6,76%

Về doanh thu



Cơ cấu doanh thu



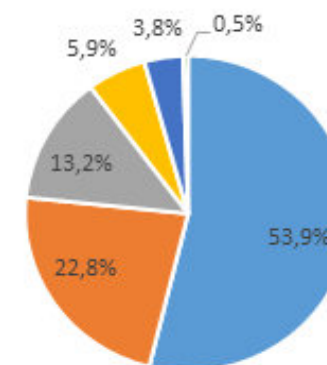
- Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ
- Doanh thu hoạt động tài chính
- Thu nhập khác

Trong bối cảnh phục hồi kinh tế trong năm 2017, Doanh thu thuần Công ty tiếp tục tăng, cụ thể doanh thu thuần tăng từ 210.731 triệu đồng lên 275.415 triệu đồng, tương đương mức tăng 30,7%. Cụ thể, doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ tiếp tục chiếm phần lớn cơ cấu doanh thu của công ty, khoản này chiếm tới 99,27% tổng cơ cấu doanh thu; các doanh thu và thu nhập khác không đáng kể. Trong đó, ngoài thị phần trong nước, thị phần của CPC ở Campuchia cũng góp nhiều vào việc tăng trưởng doanh thu thuần về bán thành phẩm.

Về chi phí



Cơ cấu chi phí 2017



- Giá vốn hàng bán
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp
- Chi phí tài chính
- Chi phí thuế TNDN hiện hành
- Chi phí khác

Trong năm 2017, chi phí giá vốn bán hàng vẫn chiếm phần lớn tỷ trọng cơ cấu chi phí, do công ty trong năm đã thúc đẩy các hoạt động kinh doanh về bán hàng; cũng vì thế mà số lượng nhân viên bán hàng cũng gia tăng, cũng như công tác quản lý được mở rộng, thể hiện ở việc chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm lần lượt 22,8% và 13,2% trong tổng cơ cấu chi phí; Cùng với chi phí giá vốn bán hàng thì 3 khoản này chiếm phần nhiều trong tổng cơ cấu chi phí hoạt động của công ty. Các chi phí khác không đáng kể. Ngoài ra với việc nhiều chính sách ưu đãi, thưởng cho cán bộ công nhân viên hậu hĩnh dựa theo đóng góp của từng cá nhân. Do đó góp phần khiến các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí bán hàng chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí năm 2017.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

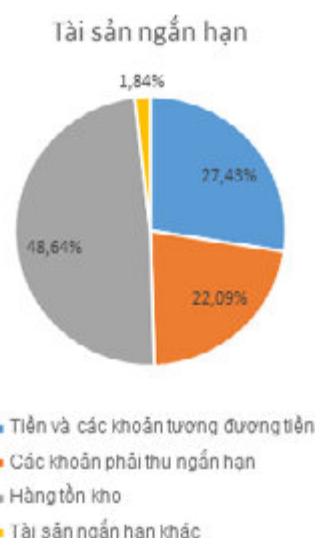
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tính đến cuối năm 2017, tổng tài sản của Công ty đã đạt 148.002 triệu đồng, cao hơn gần 20.000 triệu đồng so với năm 2016. Trong khi tài sản dài hạn không có nhiều thay đổi so với năm 2016; thì tài sản ngắn hạn tăng lên trong năm nay, chủ yếu do sự tăng trưởng trở lại của nền kinh tế, công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng, điều này thể hiện rõ ở việc hàng tồn kho tăng cao trong năm nay.

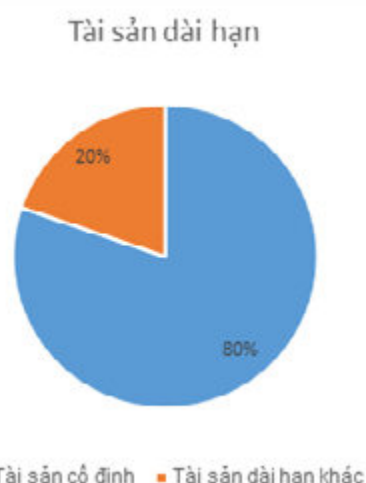
ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2016	2017
1	Tài sản ngắn hạn	111.275	129.140
2	Tài sản dài hạn	17.025	18.862
3	Tổng tài sản	128.299	148.002

Cụ thể, tài sản ngắn hạn chiếm đến 87,26% tổng cơ cấu tài sản trong năm 2017; trong đó hàng tồn kho chiếm phần lớn với 48,64% tổng cơ cấu tài sản ngắn hạn năm nay, cũng như với việc đảm bảo lượng tiền mặt ổn định trong những năm gần đây thì việc khoản tiền và các khoản tương đương tiền đứng thứ 2 cơ cấu TSNN với 27,43% là điều dễ hiểu; sau đó là các khoản thu ngắn hạn với 22,09%; các tài sản ngắn hạn khác không đáng kể.



Ngoài ra, việc tài sản dài hạn tăng trưởng gì nhiều so năm 2016, cho nên cơ cấu tài sản dài hạn cũng không thay đổi mấy; cụ thể tài sản cố định và tài sản dài hạn khác lần lượt chia nhau chiếm lần lượt 80% và 20% tổng cơ cấu TSDH năm nay.

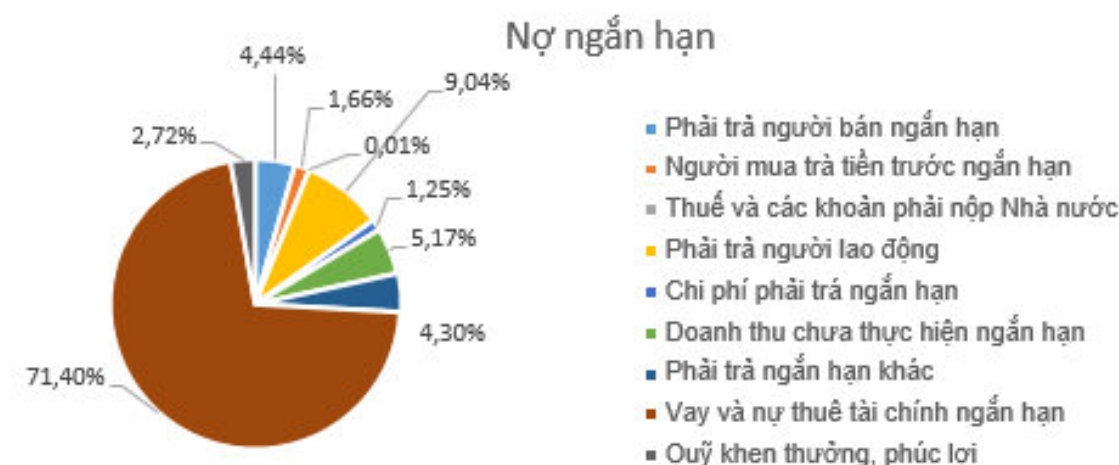


TÌNH HÌNH NỢ PHẢI TRẢ

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tiêu chí	2016	2017
1	Nợ ngắn hạn	45.962	63.789
2	Nợ dài hạn	624	624
3	Tổng nợ	46.586	64.413

Tại thời điểm 31/12/2017, giá trị nợ công ty đã đạt 64.613 triệu đồng, tăng đáng kể so với cùng thời điểm năm ngoái. Trong đó chủ yếu là nợ ngắn hạn, với 99,03% trong tổng nợ; do trong năm công ty vay nợ tài chính phục vụ việc gia tăng nguyên vật liệu, đáp ứng nhu cầu bán hàng tăng cao của công ty trong năm, cụ thể khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm tới 71,40% tổng cơ cấu nợ ngắn hạn; cùng với đó thì khoản phải trả người lao động đứng thứ 2 với 9,04% trong tổng nợ ngắn hạn, cộng hưởng từ việc công ty gia tăng bán hàng khiến cho chi trả cho người lao động tăng.



Ngoài ra, các khoản nợ ngắn hạn khác cũng như nợ dài hạn không đáng kể, chiếm phần ít tỷ trọng còn lại trong tổng cơ cấu nợ trong năm 2017.

Ảnh hưởng chênh lệch lãi vay

ĐVT: Triệu đồng

Tiêu chí	2016	2017
Vay ngắn hạn	35.025	45.545
Vay dài hạn	0.000	0.000
Chi phí lãi vay	0.892	1.821
Chi phí lãi vay/doanh thu thuần	0,423%	0,661%

Trong năm 2017, lãi vay công ty phải trả 1.821 triệu đồng, tương ứng tỷ lệ chi phí lãi vay trên doanh thu là 0,661%. Mặc dù, trong năm 2017 chi phí lãi vay của công ty tăng mạnh, nhưng lại chiếm tỷ trọng khá nhỏ so với doanh thu, nên tình hình chính của CPC vẫn lành mạnh.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Ngoài các cải thiện những chính sách, để suất đem lại lợi ích cho cán bộ công nhân viên, nhằm nâng cao năng suất lao động và hiệu quả hoạt động kinh doanh; thì trong năm qua, Công ty hầu như không có những cải tiến đáng kể trong cơ cấu tổ chức, chính sách khác và quản lý.



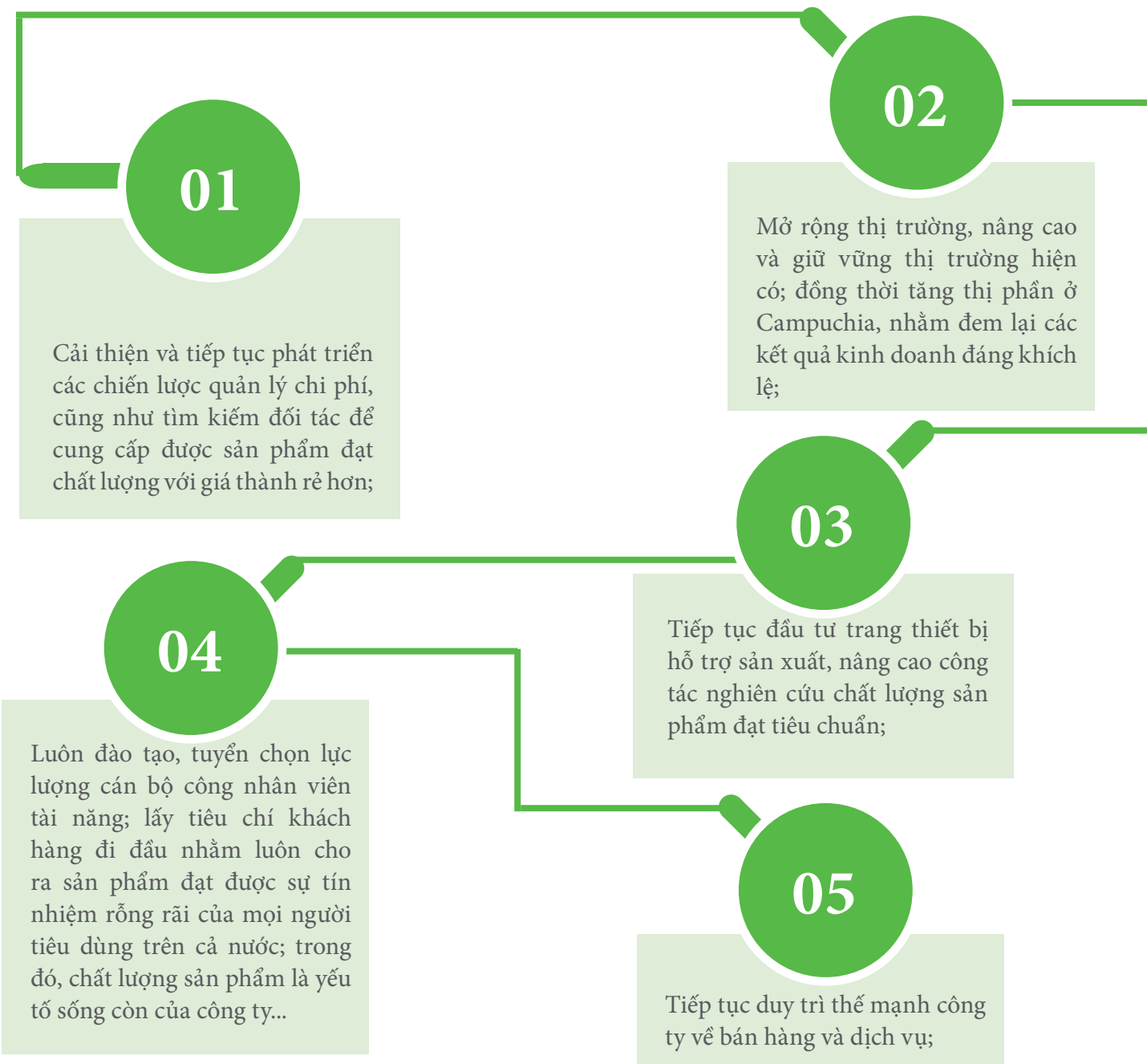
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2018

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2017	Kế hoạch 2018	Tỷ lệ KH2018/ KH2017
Doanh thu thuần	220,000	256,000	116%
Lợi nhuận trước thuế	15,000	16,000	107%
LNTT/DTT	6,82%	6,25%	92%
LNTT/VCSH	18,36%	19,20%	105%
Chi trả cổ tức	từ 17 đến 23%	từ 17 đến 23%	100%

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN



GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ Ý KIẾN KIỂM TOÁN

Không có

BÁO CÁO CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT CỦA CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CHUNG

Sản xuất nông nghiệp trong năm 2017 gặp nhiều khó khăn do chịu ảnh hưởng của thời tiết biến đổi bất thường, bão, mưa lớn gây ngập úng, hiện tượng lũ sớm ở Đồng bằng sông Cửu Long ảnh hưởng đến tiến độ, diện tích và năng suất cây trồng.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị luôn chủ trương giám sát cũng như đề xuất cho Ban TGD những chiến lược phát triển nhằm đảm bảo tăng trưởng của công ty luôn ổn định như: Đẩy mạnh áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất; luôn đồng hành cùng người nông dân để biết rõ những ưu, nhược điểm của từng loại nông sản từ đó cung cấp cũng như nghiên cứu ra sản phẩm tối ưu nhất cho người nông dân. Ngoài ra, Hội đồng quản trị luôn chú trọng mở rộng thị trường, không những trong nước mà còn tiếp cận thị trường các nước khu vực lân cận.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2017	Tỷ lệ TH2017/ KH2017
Tổng doanh thu	275.415	220.000	125%
Lợi nhuận trước thuế	15.786	15.000	105%
Lợi nhuận sau thuế	12462	12.000	104%

Trong năm 2017, Công ty liên tục nâng cao công tác bán hàng, đa dạng hóa sản phẩm, cũng như thị trường. Kết quả hoạt động SXKD trong năm đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu và lợi nhuận:

- Cụ thể, doanh thu trong năm vượt 25% so với kế hoạch đề ra, lợi nhuận trước thuế cũng như sau thuế đồng loạt vượt 4% so với chỉ tiêu. Cho thấy hiệu quả trong công tác quản lý và điều hành của ban lãnh đạo công ty.
- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn tuân thủ theo tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001:2008 và ISO 14001:2004. Nhiều sản phẩm mới được thị trường đón nhận như thuốc Platin 55EC, Kasuran 47WP, Cajet - M10 72WP, Caziron 10GR, Careman 40EC.
- Đặc biệt, trong năm 2017, Công ty đẩy mạnh phát triển mạnh lưới địa bàn hoạt động của doanh nghiệp, tăng cường chi phí quảng cáo, tạo vị thế và khẳng định thương hiệu của CPC trên thị trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Trong tình hình kinh doanh năm 2017, thị trường thuốc bảo vệ thực vật ngày càng chịu sự cạnh tranh mạnh mẽ của các doanh nghiệp trong và nước ngoài, trước tình hình đó Ban Tổng giám đốc vẫn hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề xuất đây là điều rất đáng khích lệ.

Trong công tác điều hành, Ban Tổng giám đốc có tư duy sáng tạo, triển khai chương trình đánh giá cụ thể, chính xác năng lực từng cá nhân, tập thể, có phương án để nâng cao hiệu quả lao động, phối hợp giữa các phòng ban của Công ty. Dựa trên tình hình thực tế trong năm, Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện tốt, đầy đủ, nhanh chóng các chiến lược kinh doanh do Hội Đồng Quản trị đề ra. Xử lý tốt các tình huống bất ngờ để tình hình sản xuất kinh doanh không rơi vào thế bị động. Bên cạnh đó, Ban Tổng Giám đốc cũng có những đề xuất mang tính chiến lược cho hoạt động phát triển kinh doanh của Công ty trong thời gian tới.



CÁC KẾ HOẠCH ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Mở rộng thị trường trong và ngoài nước; đa dạng hóa sản phẩm đồng thời giữ vững tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm;
- Đẩy mạnh công tác quảng bá thương hiệu công ty thông qua mở rộng hệ thống phân phối sản phẩm;
- Đẩy mạnh đào tạo, tuyển chọn nguồn nhân lực tiềm năng nhằm phát triển lâu dài của công ty; tiếp tục thực hiện các chính sách mang lại lợi ích cho cán bộ công nhân viên, nâng cao môi trường làm việc chuyên nghiệp và thân thiện; khuyến khích cán bộ công nhân viên gắn bó lâu dài, hăng say trong lao động thông qua những chính sách lương thưởng, trợ cấp cho nhân viên có hoàn cảnh khó khăn;
- Cải thiện chính sách quản lý tài chính, tài trợ, đầu tư hợp lý; thu hút các nhà đầu tư, gia tăng nguồn vốn, mở rộng HĐKD;
- Luôn có sự trao đổi, tiếp xúc với các nhà đầu tư, cổ đông và đặc biệt là nhà nông, để luôn nắm vững tình hình cũng như có những đề xuất nâng cao về chất lượng sản phẩm;
- Nâng cao, hoàn thiện hệ thống sản xuất tiên tiến, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất cũng như cải tiến sản phẩm nhằm mở rộng thị trường ở các vùng miền khắp cả nước;

BÁO CÁO QUẢN TRỊ
CÔNG TY



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng Cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Thành viên độc lập/thành viên điều hành
Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch HĐQT	93.262	2,16	Điều hành
Phan Đăng Trúc	Thành viên HĐQT	8.775	0,20	Độc lập
Phan Văn Mưa	Thành viên HĐQT	202.230	4,69	Độc lập
Võ Viết Thanh	Thành viên HĐQT	360.543	8,38	Điều hành
Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên HĐQT	46.333	1,07	Điều hành

Các tiểu ban của Hội đồng quản trị: không có

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Với vai trò quản trị Công ty, Hội đồng quản trị xây dựng chiến lược phát triển dài hạn cho Công ty, bên cạnh đó xây dựng kế hoạch cụ thể phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Công ty, để đạt được kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Trong năm, hội đồng quản trị tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường để nắm bắt tình hình doanh nghiệp, đảm bảo phát triển đúng định hướng mà Đại hội cổ đông đề ra, đảm bảo lợi ích tối đa cho cổ đông.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong năm:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là TV HĐQT	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch		6	100%	
Phan Đăng Trúc	Ủy viên		6	100%	
Bùi Anh Dũng	Ủy Viên	Ngày 18/04/17 không còn làm thành viên HĐQT	2	66,7%	Do không còn làm thành viên HĐQT
Phan Văn Mưa	Ủy viên		6	100%	
Võ Viết Thanh	Ủy viên		6	100%	
Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên	Ngày 18/04/17 bắt đầu làm thành viên HĐQT	4	33,3%	Bắt đầu làm thành viên HĐQT



CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT NĂM 2017

Trong năm, Hội đồng quản trị thông qua các quyết định bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại các cuộc họp. Trong năm, Hội đồng quản trị đã ban hành 9 nghị quyết, cụ thể như sau:

STT	Số Nq/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/2017.NQ.HĐQT.CPC	16/02/2017	V/v tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2017
2	03/2017.NQ.HĐQT.CPC	19/04/2017	Quy định mức chi cổ tức đợt 2 năm 2016
3	04/2017.NQ.HĐQT.CPC	19/04/2017	Quy định mức thù lao cho HĐQT & BKS năm 2016
4	05/2017.NQ.HĐQT.CPC	19/04/2017	Quy định mức thưởng vượt kế hoạch cho ban TGD & CBCC năm 2016
5	06/2017.NQ.HĐQT.CPC	19/04/2017	Quy định mức thưởng vượt kế hoạch cho HĐQT & BKS năm 2016
6	07/2017.NQ.HĐQT.CPC	20/04/2017	Chuyển vốn phục vụ hoạt động hàng năm của chi nhánh Cty CP Thuốc sát trùng Cần Thơ tại Campuchia
7	08/2017.NQ.HĐQT.CPC	18/05/2017	Chuyển vốn phục vụ hoạt động hàng năm của chi nhánh Cty CP Thuốc sát trùng cần Thơ tại Campuchia
8	09/2017.NQ.HĐQT.CPC	22/11/2017	Quy định mức chi tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2017 và xin ý kiến cổ đông bằng văn bản.

BAN KIỂM SOÁT



THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

Họ và tên	Chức vụ	Số lượng Cp sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
Nguyễn Văn Thái	Trưởng BKS	134	0,00%
Dương Minh Thành	Thành viên	21.200	0,49%
Hồ Văn Hỷ	Thành viên	248	0,01%

Các cuộc họp của Thành viên Ban Kiểm Soát:

Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
Nguyễn Văn Thái	Trưởng BKS	11	100%	Trong đó có 6 lần họp với HĐQT
Dương Minh Thành	Thành viên	5	100%	Họp BKS
Hồ Văn Kỳ	Thành viên	5	100%	Họp BKS

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động chính của Ban Kiểm soát trong năm là thay mặt các cổ đông giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong công tác quản lý và điều hành, đảm bảo tuân thủ theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ công ty. Trong đó bao gồm việc các công việc giám sát chính đối với: tình hình hoạt động và tài chính của Công ty, tình hình thực hiện nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, kiểm soát báo cáo tài chính và công tác kiểm toán của Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam. Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ công ty, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao. Thành viên Ban Kiểm soát tham gia các cuộc họp của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt tình hình công ty.

Về Hoạt động SXKD và tình hình tài chính của công ty trong năm 2017

Bám sát phương châm “CPC cùng nông gia được mùa”, trong năm qua công ty đã chú trọng đầu tư, cải tiến công nghệ, đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động, nâng cao hiệu quả công tác quản lý, chăm sóc khách hàng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Nhờ vậy, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đã gặt hái những thành quả tích cực.

Về tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2017

- Mọi nguồn lực đã được huy động nhằm thực hiện có hiệu quả công tác sản xuất, thực hành tiết kiệm. Cuối năm, chỉ tiêu doanh thu chưa đạt kế hoạch, các chỉ tiêu lợi nhuận và cổ tức đều đã đạt kế hoạch đề ra.
- Chủ tịch HĐQT Nguyễn Văn Trung kiêm nhiệm chức danh Giám đốc công ty, hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc luôn có sự thống nhất.
- Thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính cho CPC trong năm 2017 là Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam, đây là một trong 03 công ty HĐQT được quyền lựa chọn theo danh sách mà ĐHĐCĐ đã thông qua.

Về kết quả giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc

Nhìn chung, trong năm 2017, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần vào việc hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành họp định kỳ hàng quý nhằm nắm tình hình hoạt động của công ty cũng như đề ra chiến lược đúng đắn nhằm thực hiện đúng Nghị quyết của Đại hội và Hội đồng quản trị.
- Tổng Giám đốc phân công nhiệm vụ cho từng thành viên để điều hành các mảng công việc cụ thể sao cho phù hợp và hiệu quả nhất.
- Triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của hội đồng quản trị đến từng thành viên và các phòng ban chức năng để cùng phối hợp thực hiện.
- Ban tổng giám đốc chủ trương tổ chức các hội nghị chuyên đề, cử thành viên trong ban tham gia các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng, quý, năm, xuống thăm cơ sở sản xuất và người lao động để có thể nắm bắt kịp thời tình hình cụ thể, từng bước đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu trong năm và có kế hoạch phù hợp cho kỳ công tác tới.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

VỀ KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đã thực hiện đúng các chức năng nhiệm vụ của mình theo quy định tại Điều lệ công ty, các kế hoạch của HĐQT đều tập trung hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà ĐHCĐ đã đề ra.

Một số kiến nghị và phương hướng hoạt động của BKS năm 2018:

- Chú trọng công tác điều hành và quản lý hiệu quả nguồn lực hiện có, phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực hoạt động, quản lý tốt hàng tồn kho, tăng cường công tác kiểm soát chi phí sử dụng vốn, đảm bảo hiệu quả hoạt động.
- Tăng cường hiệu quả bán hàng và quản lý tốt chi phí, nhất là chi phí đầu vào để lấy lại sự tăng trưởng trong doanh thu và lợi nhuận.
- Trong công tác điều hành, Ban Tổng Giám đốc cần có biện pháp để nâng cao khả năng thanh toán cho công ty, quản lý tốt lượng tiền mặt và tài sản ngắn hạn sao cho vừa đảm bảo tỷ lệ thanh khoản hợp lý, vừa không gây lãng phí cho công ty.
- Tăng cường công tác ứng dụng thành tựu khoa học công nghệ vào quá trình sản xuất, tổ chức các cuộc thi sáng kiến trong công ty để tìm kiếm những ý tưởng về việc nâng cao hiệu quả, năng lực sản xuất, tìm kiếm các ý tưởng sản phẩm mới, góp phần làm phong phú thêm số sản phẩm của công ty.
- Tiếp tục công tác đào tạo đội ngũ nhân viên vừa giỏi tay nghề, vừa thành thạo ngoại ngữ, trong bối cảnh Việt Nam đang hội nhập sâu rộng vào thị trường thế giới.
- Công tác giám sát môi trường phải chặt chẽ và thường xuyên, liên tục.

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan đến cổ phiếu của công ty niêm yết:

Số TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Lệ Hằng	Chị Phó TGĐ	4.505	0,1%	10.505	0,2%	Mua



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: Ngàn đồng

Họ và tên	Chức vụ	Tiền lương	Tiền thưởng	Thù lao	Tổng cộng
-----------	---------	------------	-------------	---------	-----------

Hội đồng Quản trị

1.	Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch HĐQT	157.747.489	62.806.989	220.554.478
2.	Phan Đăng Trúc	TV. HĐQT	135.212.133	55.977.419	191.189.552
3.	Phan Văn Mưa	TV. HĐQT	135.212.133	55.977.419	191.189.552
4.	Võ Viết Thanh	TV. HĐQT	135.212.133	55.977.419	191.189.552
5.	Nguyễn Ngọc Minh	TV. HĐQT		0	3.000.000

Ban Kiểm soát

1.	Nguyễn Văn Thái	Trưởng BKS	135.212.133	50.977.419	186.189.552
2.	Dương Minh Thành	Thành viên BKS	112.676.774	44.147.849	156.824.623
3.	Hồ Văn Hỷ	Thành viên BKS	112.676.774	44.147.849	156.824.623

Ban Tổng Giám đốc

1.	Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám Đốc	519.600.000	452.712.000	972.312.000
2.	Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng GĐ	208.320.000	253.001.903	461.321.903
3.	Bùi Anh Dũng	Giám đốc Marketing	173.400.000	65.608.769	239.008.769
4.	Nguyễn Thanh Tâm	Giám đốc Sản xuất	172.800.000	287.438.000	460.238.000
5.	Quách Thị Thúy	Kế Toán Trưởng	183.945.900	261.489.000	445.434.900

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Tham gia thị trường chứng khoán năm 2010, trong 08 năm qua công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời vào quy chế quản trị nội bộ của công ty, một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh, ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho công ty.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Item	Value	Value	Value
10.20	20.10%	20.10%	2.00%
20.10	40.20%	40.20%	4.00%
30.15	60.30%	60.30%	6.00%
40.20	80.40%	80.40%	8.00%
50.25	100.50%	100.50%	10.00%
60.30	120.60%	120.60%	12.00%
70.35	140.70%	140.70%	14.00%
80.40	160.80%	160.80%	16.00%
90.45	180.90%	180.90%	18.00%
100.50	201.00%	201.00%	20.00%
110.55	221.10%	221.10%	22.00%
120.60	241.20%	241.20%	24.00%
130.65	261.30%	261.30%	26.00%
140.70	281.40%	281.40%	28.00%
150.75	301.50%	301.50%	30.00%
160.80	321.60%	321.60%	32.00%
170.85	341.70%	341.70%	34.00%
180.90	361.80%	361.80%	36.00%
190.95	381.90%	381.90%	38.00%
201.00	402.00%	402.00%	40.00%



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	4 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh báo cáo tài chính	9 – 33

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thuốc Sắt Trùng Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Thuốc Sắt Trùng Cần Thơ được thành lập theo Quyết định số 1462/QĐ-CT.UB ngày 26 tháng 4 năm 2002 của Chủ tịch Ủy Ban Nhân Dân tỉnh Cần Thơ (nay là Ủy Ban Nhân Dân thành phố Cần Thơ). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1800457478, đăng ký lần đầu ngày 7 tháng 5 năm 2002, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 21 tháng 8 năm 2017.

Trụ sở chính:

- Địa chỉ : Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
- Điện thoại : 02923.861.770
- Fax : 02923.861.798

Công ty đã làm thủ tục thành lập chi nhánh tại Campuchia nhưng nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là đăng ký các tên thuốc và giữ hình thức hạch toán báo sổ về Công ty.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ;
- Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại;
- Nhập khẩu, kinh doanh phân bón, máy móc thiết bị, dụng cụ sản xuất nông nghiệp;
- Sản xuất kinh doanh thuốc và hóa chất dùng trong môi trường nuôi trồng thủy sản. Sản xuất kinh doanh sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường dùng trong nuôi trồng thủy sản. Sản xuất kinh doanh thủy sản làm giống, chất bổ sung cho thức ăn và thức ăn chăn nuôi cho nuôi trồng thủy sản;
- Chế biến thủy hải sản xuất khẩu;
- Sản xuất thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, hóa chất phục vụ nông nghiệp.

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Chủ tịch
Ông Bùi Anh Dũng	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 18/04/2017)
Ông Phan Đăng Trúc	Thành viên
Ông Võ Viết Thanh	Thành viên
Ông Phan Văn Mưa	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 18/04/2017)

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Thái	Trưởng ban kiểm soát
Ông Dương Minh Thành	Thành viên
Ông Hồ Văn Hỷ	Thành viên

Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Trung – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

6. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

7. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị



Ông NGUYỄN VĂN TRUNG
Chủ tịch

TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2018



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International

Số: 140/2018/BCKT-HCM.00632



Accountants &
business advisers

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý cổ đông**
Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ Phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Cần Thơ (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 27 tháng 3 năm 2018, từ trang 4 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thuốc Sát Trùng Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



TRẦN ĐẶC NHA
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2018

LÊ THANH VŨ
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2734-2018-009-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		129.047.060.944	111.274.827.508
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	33.429.149.658	38.617.759.485
Tiền	111		4.429.149.658	3.517.759.485
Các khoản tương đương tiền	112		29.000.000.000	35.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		2.000.000.000	2.000.000.000
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2	2.000.000.000	2.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.508.790.726	35.151.572.334
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	26.024.592.136	35.475.719.694
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	857.254.888	283.156.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	3.518.070.928	1.012.163.835
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.6	(1.891.127.226)	(1.619.467.195)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.7	62.808.415.938	35.225.963.291
Hàng tồn kho	141		70.308.415.938	39.925.963.291
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7.500.000.000)	(4.700.000.000)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.300.704.622	279.532.398
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.724.010.522	277.122.029
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	576.694.100	2.410.369
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/2017	01/01/2017
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		18.862.068.533	17.024.504.260
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
Tài sản cố định	220		15.135.708.739	12.923.475.346
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	14.847.140.549	12.546.632.120
- Nguyên giá	222		47.424.704.770	43.201.790.317
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.577.564.221)	(30.655.158.197)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	288.568.190	376.843.226
- Nguyên giá	228		924.913.300	924.913.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(636.345.110)	(548.070.074)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.726.359.794	4.101.028.914
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	3.726.359.794	4.101.028.914
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.909.129.477	128.299.331.768

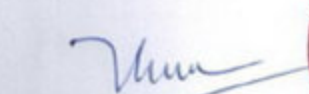
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

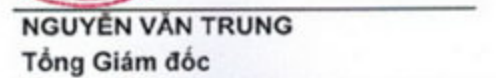
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		64.413.131.535	46.585.903.096
Nợ ngắn hạn	310		63.789.402.994	45.962.174.555
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.11	2.832.327.082	2.652.036.524
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.12	1.061.980.710	705.956.840
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	5.13	6.944.000	124.490.388
Phải trả người lao động	314		5.768.654.500	3.869.945.800
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.14	798.694.914	870.335.550
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		3.300.000.000	650.000.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.15.1	2.742.067.118	796.517.128
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.16	45.544.798.150	35.025.483.805
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	5.17	1.733.936.520	1.267.408.520
Nợ dài hạn	330		623.728.541	623.728.541
Phải trả dài hạn khác	337	5.15.2	580.000.000	580.000.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		43.728.541	43.728.541
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		83.495.997.942	81.713.428.672
Vốn chủ sở hữu	410	5.18	83.495.997.942	81.713.428.672
Vốn góp của chủ sở hữu	411		43.030.500.000	43.030.500.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		43.030.500.000	43.030.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		8.291.518.300	8.291.518.300
Vốn khác của chủ sở hữu	414		12.261.176.032	12.261.176.032
Cổ phiếu quỹ	415		(4.000.872.355)	(4.000.872.355)
Quỹ đầu tư phát triển	418		7.403.050.000	6.303.050.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		16.510.625.965	15.828.056.695
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.048.329.161	4.048.329.162
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		12.462.296.804	11.779.727.533
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
Nguồn kinh phí	431		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147.909.129.477	128.299.331.768


NGUYỄN DUY LINH
Người lập biểu


QUÁCH THỊ THỦY
Kế toán trưởng





NGUYỄN VĂN TRUNG
Tổng Giám đốc
TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2018

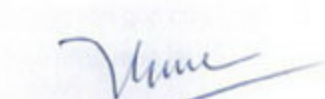
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

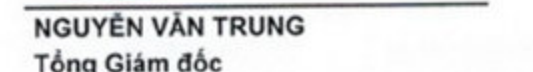
Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1.1	275.414.595.202	210.730.567.284
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần	10		275.414.595.202	210.730.567.284
Giá vốn hàng bán	11	6.2	217.663.766.470	165.298.211.525
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		57.750.828.732	45.432.355.759
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	1.957.364.233	4.685.955.961
Chi phí tài chính	22	6.4	2.290.353.446	4.941.132.161
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		1.821.026.785	892.360.339
Chi phí bán hàng	25	6.5	17.498.663.462	11.105.357.793
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	23.764.922.103	19.222.886.298
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.154.253.954	14.848.935.468
Thu nhập khác	31	6.7	69.894.566	276.383.519
Chi phí khác	32	6.8	438.143.504	332.775.888
Lợi nhuận khác	40		(368.248.938)	(56.392.369)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.786.005.016	14.792.543.099
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.13	3.323.708.212	2.969.087.025
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	43.728.541
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.462.296.804	11.779.727.533
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	3.053	2.617


NGUYỄN DUY LINH
Người lập biểu


QUÁCH THỊ THỦY
Kế toán trưởng




NGUYỄN VĂN TRUNG
Tổng Giám đốc
TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

	Mã số	Thuyết minh	2017	2016
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu bán hàng, cung cấp DV và doanh thu khác	01		300.497.826.103	224.193.871.043
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(255.142.288.519)	(172.764.234.550)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(28.035.126.265)	(13.699.864.766)
Tiền lãi vay phải trả	04		(1.821.785.119)	(892.360.185)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(4.023.539.700)	(3.485.315.277)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		9.905.270.830	7.074.985.526
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(27.237.147.191)	(29.129.515.221)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(5.856.789.861)	11.297.566.570
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(4.222.914.453)	(528.568.487)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	236.363.636
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	4.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.895.253.285	1.357.052.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(2.327.661.168)	(935.152.703)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33	7.1	155.344.726.995	113.485.808.793
Tiền trả nợ gốc vay	34	7.2	(144.294.540.800)	(107.993.878.408)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(8.162.900.000)	(8.162.900.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		2.887.286.195	(2.670.969.615)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(5.297.164.834)	7.691.444.252
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		38.617.759.485	30.791.264.363
Ảnh hưởng của thay đổi TG hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		108.555.007	135.050.870
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	5.1	33.429.149.658	38.617.759.485



NGUYỄN DUY LINH
Người lập biểu



QUÁCH THỊ THỦY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Sát trùng Cần Thơ là công ty cổ phần.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Nhập khẩu, sản xuất, gia công, kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học và hóa chất các loại.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

1.6 Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tổng số nhân viên của Công ty là 186 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2017 là 194 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

4. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được qui đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ, VCB - chi nhánh Cần Thơ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TNHH MTV HSBC Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ, VCB - chi nhánh Cần Thơ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.5 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

4.8 Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm/khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 18 năm
Máy móc, thiết bị	06 – 18 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	08 – 16 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	06 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Bản quyền, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa

Nguyên giá của bản quyền tác giả, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Bản quyền tác giả, bằng sáng chế, nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm.

4.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.12 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.13 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

4.14 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức/lợi nhuận như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.15 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

4.16 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.18 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.19 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuế mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.20 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty và đối tượng sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty và đối tượng	Quan hệ
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hòa Nông	Cổ đông lớn
Thành viên hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	164.274.000	72.278.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - VND	4.187.194.711	3.365.369.857
- USD	77.680.947	80.111.628
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng - VND	29.000.000.000	35.100.000.000
	33.429.149.658	38.617.759.485

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn - USD	3.416,80	77.680.947

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, khoản đầu tư tài chính của Công ty chỉ có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đây là khoản tiền gửi kỳ hạn 9 tháng, lãi suất 3,4%/năm tại Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC Việt Nam – chi nhánh Cần Thơ.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải thu các bên liên quan		
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông	297.682.350	212.632.350
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Hằng Duy	-	4.433.165.246
Đại lý Vật tư Nông nghiệp Phạm Trường Giang	1.631.321.169	4.800.869.511
Các khách hàng khác	24.095.588.617	26.029.052.587
	26.024.592.136	35.475.719.694

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước cho người bán khác		
Trung Tâm Công nghệ Môi Trường & Dịch Vụ Tư Vấn Đầu Tư	747.840.000	-
Doanh Nghiệp Tư Nhân Cơ Khí Thanh Nhã	74.250.000	121.000.000
Công ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại – Dịch Vụ Chế Tạo Máy Ngọc Thành	-	116.500.000
Các nhà cung cấp khác	35.164.888	45.656.000
	857.254.888	283.156.000

5.5 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác				
Phải thu tiền bán hàng từ nhân viên đã nghỉ việc	170.357.639	(170.357.639)	170.357.639	(170.357.639)
Phải thu tiền tạm ứng công tác phí	911.525.789	-	775.806.196	-
Phải thu tiền thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ứng trước	110.000.000	-	66.000.000	-
Phải thu Hisigma Chemical Co., Ltd	2.326.187.500	-	-	-
	3.518.070.928	(170.357.639)	1.012.163.835	(170.357.639)

5.6 Nợ xấu

	31/12/2017			01/01/2017		
	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Các tổ chức và cá nhân khác						
Phải thu tiền bán hàng						
Các khách hàng quá hạn	Từ 3 năm trở lên	1.573.958.387	-	Từ 3 năm trở lên	1.256.360.231	-
Các khách hàng quá hạn	Từ 2 đến dưới 3 năm	367.013.134	110.103.940	Từ 2 đến dưới 3 năm	96.779.227	29.033.768
Các khách hàng quá hạn	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	200.865.484	140.605.839	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	28.346.220	19.842.354
Phải thu tiền đã ứng trước để mua hàng						
Công ty TNHH Sản Xuất – Thương Mại – Dịch Vụ CTM Ngọc Thành	Từ 3 năm trở lên	-	-	Từ 3 năm trở lên	116.500.000	-
Phải thu khác						
Ông Lê Chí Thanh		-	-		170.357.639	-
		2.141.837.005	250.709.779		1.668.343.317	48.876.122

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Nợ phải thu ngắn hạn VND	Nợ phải thu dài hạn VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	(1.619.467.195)	-	(1.619.467.195)
Trích lập dự phòng	(1.814.877.901)	-	(1.814.877.901)
Xử lý dự phòng	1.543.217.870	-	1.543.217.870
Tại ngày 31/12/2017	(1.891.127.226)	-	(1.891.127.226)

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	48.327.893.738	(7.500.000.000)	32.798.581.131	(4.700.000.000)
Thành phẩm	21.980.522.200	-	7.127.382.160	-
	70.308.415.938	(7.500.000.000)	39.925.963.291	(4.700.000.000)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tại ngày 01/01	(4.700.000.000)	-
Trích lập dự phòng	(2.800.000.000)	(4.700.000.000)
Tại ngày 31/12	(7.500.000.000)	(4.700.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2017	18.517.391.499	12.820.679.747	11.691.751.044	171.968.027	43.201.790.317
Mua trong năm	-	874.345.454	1.769.996.364	-	2.644.341.818
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	458.369.999	1.120.202.636	-	-	1.578.572.635
Tại ngày 31/12/2017	18.975.761.498	14.815.227.837	13.461.747.408	171.968.027	47.424.704.770
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2017	15.144.536.863	9.392.801.856	5.965.336.292	152.483.186	30.655.158.197
Giảm do thanh lý	629.488.965	413.526.517	876.432.204	2.958.338	1.922.406.024
Tại ngày 31/12/2017	15.774.025.828	9.806.328.373	6.841.768.496	155.441.524	32.577.564.221
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2017	3.372.854.636	3.427.877.891	5.726.414.752	19.484.841	12.546.632.120
Tại ngày 31/12/2017	3.201.735.670	5.008.899.464	6.619.978.912	16.526.503	14.847.140.549

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2017	12.553.816.950	6.641.084.087	2.615.631.733	139.695.300	21.950.228.070
Tại ngày 31/12/2017	13.148.865.009	6.933.440.205	2.615.631.733	139.695.300	22.837.632.247

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách đã được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Tại ngày 01/01/2017	-	-	1.948.895.697	-	1.948.895.697
Tại ngày 31/12/2017	-	-	2.455.741.191	-	2.455.741.191

5.9 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2017	200.000.000	724.913.300	924.913.300
Tăng trong năm	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	200.000.000	724.913.300	924.913.300
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2017	200.000.000	348.070.074	548.070.074
Khấu hao trong năm	-	88.275.036	88.275.036
Tại ngày 31/12/2017	200.000.000	436.345.110	636.345.110
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2017	-	376.843.226	376.843.226
Tại ngày 31/12/2017	-	288.568.190	288.568.190

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

Tại ngày 01/01/2017	200.000.000	145.680.800	345.680.800
Tại ngày 31/12/2017	200.000.000	145.680.800	345.680.800

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Chi phí đăng ký sản phẩm mới	195.625.650	-
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	522.347.471	667.323.057
Tiền thuê đất khu công nghiệp	2.740.916.488	3.350.405.538
Chi phí bảo trì phần mềm	14.750.000	83.300.319
Chi phí trả trước dài hạn khác	252.720.185	-
	3.726.359.794	4.101.028.914

5.11 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các nhà cung cấp khác		
Công ty Cổ phần Bao Bi Tín Thành	91.940.200	393.951.140
Công ty TNHH Sản Xuất- Thương Mại Nhựa Cường Phát	1.120.744.439	561.062.480
Công ty TNHH MTV Xuất Nhập Khẩu Hồng Tú	608.000.000	440.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH 2TV Hải Sản 404- XI Nghiệp Sản Xuất Bao bi	256.997.653	188.863.620
Công ty TNHH Công Thương Hoa Mai	292.479.440	-
Các nhà cung cấp khác	462.165.350	1.068.159.284
	2.832.327.082	2.652.036.524

5.12 Người mua trả tiền trước

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Trả trước của các khách hàng khác		
Cửa hàng Vật Tư Nông Nghiệp Trường Sơn - Tiền Giang	1.021.483.045	-
Công Ty TNHH Quốc Tế Nông Nghiệp Vàng - Long An	-	690.339.300
Các khách hàng khác	40.497.665	15.617.540
	1.061.980.710	705.956.840

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.13 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	01/01/2017		Số phát sinh trong năm		31/12/2017	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	-	431.194.381	(431.194.381)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	-	8.393.088.843	(8.393.088.843)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	433.870.832	(433.870.832)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	123.137.388	-	3.323.708.212	(4.023.539.700)	-	(576.694.100)
Thuế thu nhập cá nhân	1.353.000	-	989.499.485	(983.908.485)	6.944.000	-
Thuế nhà đất	-	-	476.959.427	(476.959.427)	-	-
Các loại thuế khác	-	(2.410.369)	27.824.363	(25.413.994)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	26.758.428	(26.758.428)	-	-
	124.490.388	(2.410.369)	14.102.903.971	(14.794.734.090)	6.944.000	(576.694.100)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho hàng tiêu thụ trong nước là 5% và 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN")

Thu nhập từ các hoạt động phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	2017 VND	2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.786.005.016	14.792.543.099
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các chi phí không được khấu trừ thuế	438.055.696	234.780.630
Lỗi chênh lệch tỷ giá cuối năm 2017	175.837.643	-
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối năm 2016	218.642.705	(218.642.705)
Thu nhập tính thuế	16.618.541.060	14.808.681.024
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.323.708.212	2.961.736.205
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	7.350.820
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.323.708.212	2.969.087.025

Thuế nhà đất

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

5.14 Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác		
Chi phí hỗ trợ bán hàng	-	491.218.706
Chi phí hoạt động của chi nhánh Campuchia	-	162.030.418
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	798.694.914	217.086.426
	798.694.914	870.335.550

5.15 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác

5.15.1 Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	58.148.440	58.906.320
Phải trả thuế thu nhập cá nhân tạm khấu trừ	1.634.368.195	688.017.769
Chiết khấu phải trả	-	29.438.363
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.049.550.483	20.154.676
	2.742.067.118	796.517.128

5.15.2 Phải trả dài hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, phải trả dài hạn khác là khoản nhận ký quỹ ký cược dài hạn với số tiền là 580.000.000 VND.

5.16 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác				
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Vay ngân hàng VIETCOMBANK - chi nhánh Cần Thơ	29.937.675.350	29.937.675.350	20.150.849.630	20.150.849.630
Vay ngân hàng HSBC VN - chi nhánh Cần Thơ	15.607.122.800	15.607.122.800	14.874.634.175	14.874.634.175
	45.544.798.150	45.544.798.150	35.025.483.805	35.025.483.805

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

	01/01/2017	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Giảm do chênh lệch tỷ giá	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	35.025.483.805	155.344.726.995	(144.294.540.800)	(530.871.850)	45.544.798.150

Các khoản vay ngân hàng có lãi suất 3%/năm và được đảm bảo bằng giá trị tài sản cố định hữu hình là phương tiện vận tải (Thuyết minh 5.8).

5.17 Quỹ khen thưởng phúc lợi

	01/01/2017	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	31/12/2017
	VND	VND	VND	VND
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.267.408.520	1.100.000.000	(633.472.000)	1.733.936.520

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SẮT TRÙNG CẦN THƠ
Số 51 Trương Văn Diễn, phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2017

5.18 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.18.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của CSH VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của CSH VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2016	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	5.303.050.000	15.430.308.450	80.315.680.427
Lãi trong năm 2016	-	-	-	-	-	11.779.727.533	11.779.727.533
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.000.000.000	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.000.000.000)	(1.000.000.000)
Chi thù lao, thưởng hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	(1.219.079.288)	(1.219.079.288)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.162.900.000)	(8.162.900.000)
Tại ngày 31/12/2016	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	6.303.050.000	15.828.056.695	81.713.428.672
Tại ngày 01/01/2017	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	6.303.050.000	15.828.056.695	81.713.428.672
Lãi trong năm 2017	-	-	-	-	-	12.462.296.804	12.462.296.804
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	1.100.000.000	(1.100.000.000)	-
Trích lập quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.100.000.000)	(1.100.000.000)
Chi thù lao, thưởng hội đồng quản trị, BKS	-	-	-	-	-	(1.416.827.534)	(1.416.827.534)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(8.162.900.000)	(8.162.900.000)
Tại ngày 31/12/2017	43.030.500.000	8.291.518.300	12.261.176.032	(4.000.872.355)	7.403.050.000	16.510.625.965	83.495.997.942

Xem chi tiết phân phối lợi nhuận tại thuyết minh 5.19.4.

5.18.2 Chi tiết góp vốn của chủ sở hữu

	31/12/2017		01/01/2017	
	VND	Tỷ lệ (%)	VND	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Thanh Sơn Hóa Nông	8.752.200.000	20,34	8.752.200.000	20,34
AFC VF Limited	2.592.000.000	6,02	2.592.000.000	6,02
Ông Võ Việt Thanh	3.605.430.000	8,38	3.605.430.000	8,38
Bà Lê Thị Thu Trang	2.165.440.000	5,03	2.165.440.000	5,03
Cổ phiếu quỹ	2.216.000.000	5,15	2.216.000.000	5,15
Các cổ đông khác	23.699.430.000	55,08	23.699.430.000	55,08
	43.030.500.000	100,00	43.030.500.000	100,00

5.18.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.303.050	4.303.050
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	4.303.050	4.303.050
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông	221.600	221.600
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	4.081.450	4.081.450
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND.

5.18.4 Phân phối lợi nhuận

Trong năm tài chính 2017, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 01/2017.NQ.ĐHĐCĐ.CPC ngày 18 tháng 4 năm 2017 như sau:

	2017 VND
Chia cổ tức cho các cổ đông	8.162.900.000
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	1.100.000.000
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.100.000.000
Khen thưởng ban quản lý điều hành	587.013.903
Khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	594.219.080
Chi thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	235.594.551

5.19 Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017	01/01/2017
Dollar Mỹ (USD)	3.416,80	3.526,04

Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2017	01/01/2017	Lý do
Phải thu bán hàng	1.256.360.231	-	Đã khó đòi nhiều năm
Trả trước cho người bán	116.500.000	-	Đã khó đòi nhiều năm
Phải thu khác	170.357.639	-	Đã khó đòi nhiều năm

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

6.1 Doanh thu

6.1.1 Tổng doanh thu

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán thành phẩm	265.737.959.187	202.187.222.714
Doanh thu gia công	7.116.860.617	5.957.093.822
Doanh thu khác	2.559.775.398	2.586.250.748
	275.414.595.202	210.730.567.284

6.1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên doanh, liên kết như sau:

	2017 VND	2016 VND
Công ty TNHH Thương Mại – Dịch Vụ Thanh Sơn Hóa Nông	3.757.528.522	2.740.938.390

6.2 Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn thành phẩm	201.931.914.822	154.446.592.737
Giá vốn gia công	6.880.435.237	4.025.587.565
Giá vốn khác	6.051.416.411	2.126.031.223
Chi phí dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.800.000.000	4.700.000.000
	217.663.766.470	165.298.211.525

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	1.895.253.285	1.357.052.148
Lãi chênh lệch tỷ giá	62.110.948	3.110.261.108
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	218.642.705
	1.957.364.233	4.685.955.961

6.4 Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	1.821.026.785	892.360.339
Lỗ chênh lệch tỷ giá	114.292.454	4.048.771.822
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	355.034.207	-
	2.290.353.446	4.941.132.161

6.5 Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	10.970.468.400	5.776.885.677
Chi phí khấu hao tài sản cố định	817.911.812	615.067.917
Chi phí bán hàng khác	5.710.283.250	4.713.404.199
	17.498.663.462	11.105.357.793

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên quản lý	20.555.070.100	13.640.948.780
Chi phí khấu hao tài sản cố định	169.194.577	171.587.022
Chi phí dự phòng	1.814.877.901	14.722.712
Chi phí quản lý khác	1.225.779.525	5.395.627.784
	23.764.922.103	19.222.886.298

6.7 Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	281.818.181
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	-	(130.056.800)
Thu nhập khác	69.894.566	124.622.138
	69.894.566	276.383.519

6.8 Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Chi phí thuê đất và phí sử dụng hạ tầng khu công nghiệp	-	73.058.856
Các khoản phạt về thuế, hành chính	438.055.696	227.429.810
Chi phí khác	87.808	32.287.222
	438.143.504	332.775.888

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2017	2016
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	12.462.296.804	11.779.727.533
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trừ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(1.100.000.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	12.462.296.804	10.679.727.533
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	4.081.450	4.081.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	3.053	2.617

6.10 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	203.612.748.270	139.428.738.992
Chi phí nhân công	41.466.010.869	26.012.156.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.010.681.060	1.667.030.957
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.620.745.136	4.356.440.390
Chi phí bằng tiền khác	12.575.654.082	11.067.532.085
	265.285.839.417	182.531.899.167

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

7.1 Tiền thu từ đi vay

	2017 VND	2016 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	155.344.726.995	113.485.808.793

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	2017 VND	2016 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	144.294.540.800	107.993.878.408

8. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi

phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu sẽ chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan đến các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 5.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	VND Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2017			
Các khoản vay và nợ	45.544.798.150	-	45.544.798.150
Phải trả người bán	2.832.327.082	-	2.832.327.082
Phải trả khác và chi phí phải trả	3.482.613.592	580.000.000	4.062.613.592
	51.859.738.824	580.000.000	52.439.738.824
Ngày 31 tháng 12 năm 2016			
Các khoản vay và nợ	35.025.483.805	-	30.205.910.080
Phải trả người bán	2.652.036.524	-	2.652.036.524
Phải trả khác và chi phí phải trả	1.607.946.358	580.000.000	2.187.946.358
	39.285.466.687	580.000.000	39.865.466.687

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

Tài sản đảm bảo

Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải của mình để đảm bảo vào các khoản vay (Thuyết minh số 5.8).

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác tại ngày 31/12/2017 và 31/12/2016.

iv. Giá trị hợp lý

So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2017	Ngày 31 tháng 12 năm 2016
Tài sản tài chính				
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Các khoản cho vay và phải thu				
Phải thu khách hàng	25.662.948.812	34.151.614.004	25.662.948.812	34.151.614.004
Các khoản phải thu khác	3.347.713.289	841.806.196	3.347.713.289	841.806.196
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
Tiền và các khoản tương đương tiền	35.429.149.658	38.617.759.485	35.429.149.658	38.617.759.485
Tổng cộng	64.439.811.759	75.611.179.685	64.439.811.759	75.611.179.685
Nợ phải trả tài chính				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
Vay và nợ	45.544.798.150	35.025.483.805	45.544.798.150	35.025.483.805
Phải trả người bán	2.832.327.082	2.652.036.524	2.832.327.082	2.652.036.524
Phải trả khác và chi phí phải trả	4.062.613.592	2.187.946.358	4.062.613.592	2.187.946.358
Tổng cộng	52.439.738.824	39.865.466.687	52.439.738.824	39.865.466.687

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính này bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

9. CÁC THÔNG TIN KHÁC

9.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

9.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	2017 VND	2016 VND
Tiền lương, thưởng	4.417.205.458	1.473.340.671
Các khoản thù lao	488.989.782	1.219.079.288
	4.906.195.240	2.692.419.959

9.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với Công ty TNHH Thương mại – Dịch vụ Thanh Sơn Hóa Nông như sau:

	2017 VND	2016 VND
Gia công	3.757.528.522	2.740.938.390
Chia cổ tức	433.088.000	1.750.440.000

Thuê nhà Ông Nguyễn Văn Trung trong năm 2017 với số tiền là 60.000.000 VND.

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng gia công.

Cam kết bảo lãnh

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có cam kết bảo lãnh nghĩa vụ tài chính cho các bên liên quan khác.

9.2 Thông tin về bộ phận

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá và kết luận rằng Công ty không có nhiều hơn một bộ phận (cả lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý) để báo cáo theo qui định của chuẩn mực kế toán. Công ty hiện chỉ hoạt động chủ yếu ở một lĩnh vực duy nhất là kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật và khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam.

9.3 Số liệu so sánh

Ảnh hưởng của việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2016 đến số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính như sau:

	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.886	(269)	2.617

9.4 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



NGUYỄN DUY LINH
Người lập biểu



QUÁCH THỊ THỦY
Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN TRUNG
Tổng Giám đốc
TP. Cần Thơ, ngày 27 tháng 3 năm 2018

XÁC NHẬN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG CẦN THƠ

CẦN THƠ, NGÀY 16 THÁNG 04 NĂM 2018
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



NGUYỄN VĂN TRUNG





CPC - BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



51 Trương Văn
Diễn, Phường
Phước Thới, Quận
Ô Môn, TP. Cần
Thơ



Telephone
(0292) 3861770
Fax:
(0292) 3861798



E-mail:
info@tstcantho.com.vn